

Bản án số: 112/2021/DS-ST

Ngày: 25-8-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký HKTT: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; địa chỉ đăng ký HKTT: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà và anh Đỗ Văn C có quan hệ họ hàng và trước đây anh C có nhà ở cùng xóm với bà nhưng nay anh C đã bán nhà chuyển về nhà mẹ đẻ tại xóm 10, xã Hải Quang ở. Do cần vốn để mua máy móc làm ăn, anh C có hỏi vay tiền của bà nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 01 âm lịch năm 2018 cho đến ngày 29/12/2018 âm lịch (tức ngày 03/2/2019) thì hai bên chốt lại tổng số tiền anh C đã vay của bà trong năm 2018 tổng cộng là 857.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy triệu đồng). Nguồn gốc tiền cho anh C vay chủ yếu bà đi vay mượn của anh em họ hàng, người quen và có một phần nhỏ tiền của gia đình bà. Ngày 29/12/2018 âm lịch anh C tự viết và ký tên vào mẫu giấy biên nhận thỏa thuận mượn tiền do bà đưa cho, hẹn đến tháng 02/2019 âm lịch phải trả hết nợ. Các giấy biên nhận vay tiền trước đó hai bên thống nhất hủy hết. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận miệng lãi tính theo Ngân hàng là 1,1%/tháng. Anh C có trả lãi được một vài tháng, do không ghi chép lại nên bà không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi. Vợ anh C là chị Nguyễn Thị Đ không trực tiếp hỏi vay tiền của bà nhưng khi bà đến nhà đòi nợ thì chị Đ có biết, do chủ quan tin tưởng anh C làm ăn tốt nên khi cho anh C vay tiền bà không yêu cầu chị Đ cùng ký tên.

Sau khi đến hạn trả nợ bà nhắc đòi nợ nhiều lần thì anh C đều khát nợ và hoặc trốn tránh gặp. Bà được biết đến nay vợ chồng anh C đã giải quyết ly hôn tại Tòa án, chị Đ và các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã H ở còn anh C bán nhà chuyển về nhà mẹ đẻ tại xóm 10, xã H ở. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Đ cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 857.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2021 và lời khai ngày 23/8/2021, bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:

Anh công nhận có vay tiền của bà T nhiều lần, tính đến năm 2016 - 2017 tổng nợ gốc là 590.000.000 đồng; lãi vay thỏa thuận miệng từ 2.500 đồng đến 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tất cả các lần vay tiền đều viết giấy biên nhận do bà T giữ. Anh đã trả lãi đầy đủ cho bà T cho đến khoảng đầu năm 2020 do làm ăn bị thua lỗ nên không tiếp tục trả được lãi nữa. Lý do anh vay tiền của bà T để mua máy xúc làm ăn kinh tế nhưng anh không nói cho vợ anh là chị Nguyễn Thị Đ biết nên anh tự chịu trách nhiệm trả nợ bà T. Đến nay vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, vợ anh về bên ngoại tại xã H ở, còn anh chuyển về nhà mẹ đẻ anh tại xóm 10, xã H ở. Về giấy vay tiền ghi ngày 29/12/2018 âm lịch do bà T cung cấp cho Tòa án thì anh nghi ngờ không phải chữ ký, chữ viết của anh; anh khẳng định không vay bà T số tiền 857.000.000 đồng mà chỉ vay gốc là 590.000.000 đồng chưa trả được. Hiện nay anh đang bận công việc làm ăn không đến Tòa án giải quyết vụ án được, anh xin được giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu đòi nợ của bà T nữa.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Anh C chồng chị vay tiền của bà T khi nào, sử dụng vào việc gì chị không được biết, còn chị không vay tiền của bà T lần nào. Anh C làm nghề máy móc, có mua từ 02 đến 03 máy để kinh doanh cho thuê đào ao đầm, làm vườn. Việc làm

ăn kinh doanh vợ chồng đều thống nhất, có lúc phải vay thêm vốn đầu tư nhưng vay chỗ nào thì vợ chồng đều bàn bạc nên chị biết, còn việc anh C vay tiền bà T thì chị không được biết nên chị không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Chị và anh C đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 03/2021 đến nay, vợ chồng không làm ăn kinh tế gì nữa. Do chị đang làm công nhân công việc bận nên chị xin được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T; buộc anh Đỗ Văn C trả cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 857.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị T buộc chị Nguyễn Thị Đ trả nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh Đỗ Văn C phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Đ trả nợ tiền vay; đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đỗ Văn C có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và đã có lời khai xin được xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C và chị Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn đối với anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Đ:

[3.1] Nguyên đơn bà Vũ Thị T yêu cầu anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả nợ cho bà số tiền gốc là 857.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc “giấy biên nhận

thỏa thuận mượn tiền” ngày 29/12/2018 âm lịch (tức ngày 03/02/2019) có chữ ký của người mượn tiền là Đỗ Văn C. Bị đơn anh Đỗ Văn C thừa nhận có vay tiền của bà T nhiều lần, các lần vay đều viết giấy biên nhận do bà T giữ nhưng chỉ công nhận đã vay tổng số tiền gốc là 590.000.000 đồng. anh nghi ngờ chữ ký trong bản gốc giấy vay tiền do bà T đưa ra không phải chữ ký của anh. Xét thấy theo bản gốc giấy biên nhận thỏa thuận mượn tiền ngày 29/12/2018 âm lịch do bà Vũ Thị T cung cấp có nội dung được in mẫu sẵn và viết tay bằng mực bút bi màu xanh thể hiện tên người vay tiền là anh Đỗ Văn C; địa chỉ: Xóm 14, xã Hải Quang đã vay của bà Vũ Thị T số tiền là 857.000.000 đồng, hạn trả nợ đến tháng 02/2019 âm lịch, có chữ ký của người vay. Mặc dù anh C đã được Tòa án thông báo về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, anh C có nghi ngờ không phải chữ ký của mình trong giấy biên nhận vay tiền nhưng suốt quá trình tố tụng anh C không đến Tòa án cung cấp lời khai và làm thủ tục trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của mình; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chỉ vay bà T số tiền 590.000.000 đồng như lời khai của anh. Tại biên bản tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa lần 2 ngày 23/8/2021 của Tòa án cho anh C, anh C trình bày do bận công việc nên anh xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu đòi nợ của bà T. Như vậy có cơ sở xác định vào ngày 29/12/2018 âm lịch (tức ngày 03/02/2021) giữa bà Vũ Thị T và anh Đỗ Văn C có thỏa thuận chốt lại số nợ anh C đã vay của bà T từ trước với số tiền là 857.000.000 đồng và thỏa thuận đến tháng 02/2019 âm lịch trả nợ hết. Tuy nhiên đến hạn trả nợ anh C vẫn không trả nợ, anh C cũng thừa nhận anh chưa trả nợ được cho bà T là do làm ăn kinh tế gặp khó khăn. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu anh C phải trả nợ số tiền gốc đã vay 857.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về việc trả lãi: Bà Vũ Thị T không yêu cầu anh Đỗ Văn C phải trả số tiền lãi còn nợ. Anh Đỗ Văn C trình bày anh vay tiền của bà T đã trả với lãi suất cao từ 2.500 đồng đến 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày nhưng bà T không thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng không đến Tòa án để cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ về việc trả lãi, cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét tính lại số tiền lãi đã trả do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết về lãi.

[3.3] Về trách nhiệm trả nợ của chị Nguyễn Thị Đ: Bà Vũ Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả nợ với anh Đỗ Văn C với lý do khi vay tiền anh C nói lý do để mua máy móc làm ăn kinh tế gia đình, chị Nguyễn Thị Đ là vợ anh C tuy không trực tiếp hỏi vay tiền nhưng khi bà đến nhà đòi nợ chị Đ cũng biết. Xét thấy tại thời điểm anh C vay tiền của bà T và viết giấy biên nhận vay tiền ngày 29/12/2018 âm lịch (tức ngày 03/02/2019) thì giữa anh C và chị Nguyễn Thị Đ vẫn còn tồn tại quan hệ vợ chồng, đến ngày 29/7/2021 anh C và chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử cho ly hôn. Tuy nhiên ngoài lời khai của mình thì bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh chị Đ đồng ý vay tiền của bà T cùng với anh C hoặc anh C sử dụng tiền

vay của bà T nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 20 Điều 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong khi anh C có lời khai cho rằng việc anh vay tiền của bà T thì vợ anh không biết, anh tự chịu trách nhiệm riêng. Chị Nguyễn Thị Đ cũng có lời khai trình bày vợ chồng không bàn bạc vay tiền của bà T để làm ăn kinh tế gia đình, không biết việc anh C vay tiền bà T sử dụng vào việc gì, từ tháng 03/2021 chị và anh C xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân nên chị không chịu trách nhiệm. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị T về việc đòi nợ đối với chị Nguyễn Thị Đ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Đỗ Văn C có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 857.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ liên đới trả nợ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Đỗ Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 37.710.000đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Trả lại bà Vũ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0002658 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên